Chi tiết mã HS 3102.21.00

Mã HS	3102.21.00
Mô tả hàng hóa	Phân khoáng hoặc phân hóa học, có chứa nitơ / - Amoni sulphat; muối kép và hỗn hợp của amoni sulphat và amoni nitrat: / - - Amoni sulphat
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 21:44:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/31022100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4735
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4735
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4735
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5	5%	144/2024/NĐ-CP	2024-11-01	BT2026!CJ4735
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4625
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4586
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4586
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4586
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4586
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4586
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4586
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4624
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4624

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4624
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4624
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4624
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4624
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4628
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4628
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4628
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4628
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4628
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4628
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4628
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4592
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4588
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4588
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4588
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4588
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4588
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4588
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4588
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4588
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4588
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4588
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4588
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4588
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4635
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4635

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4635
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4635
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4635
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4635
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4632
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4632
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4632
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4632
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4632
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4632
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4640
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4640
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4640
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4640
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4640
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4640
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4611
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4611
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4611
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4611
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4611
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4611
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4613
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4613
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4613
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4613

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4613
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4613
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4611
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4611
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4611
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4611
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4611
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4611
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4611
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4632
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4632
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4632
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4632
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4632
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4632
RCEP B	2022	2022	0	B!D4632
RCEP B	2023	2023	0	B!E4632
RCEP B	2024	2024	0	B!F4632
RCEP B	2025	2025	0	B!G4632
RCEP B	2026	2026	0	B!H4632
RCEP B	2027	2027	0	B!I4632
RCEP C	2022	2022	0	C!D4632
RCEP C	2023	2023	0	C!E4632
RCEP C	2024	2024	0	C!F4632
RCEP C	2025	2025	0	C!G4632
RCEP C	2026	2026	0	C!H4632

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4632
RCEP D	2022	2022	0	D!D4632
RCEP D	2023	2023	0	D!E4632
RCEP D	2024	2024	0	D!F4632
RCEP D	2025	2025	0	D!G4632
RCEP D	2026	2026	0	D!H4632
RCEP D	2027	2027	0	D!I4632
RCEP E	2022	2022	0	E!D4635
RCEP E	2023	2023	0	E!E4635
RCEP E	2024	2024	0	E!F4635
RCEP E	2025	2025	0	E!G4635
RCEP E	2026	2026	0	E!H4635
RCEP E	2027	2027	0	E!I4635
RCEP F	2022	2022	0	F!D4632
RCEP F	2023	2023	0	F!E4632
RCEP F	2024	2024	0	F!F4632
RCEP F	2025	2025	0	F!G4632
RCEP F	2026	2026	0	F!H4632
RCEP F	2027	2027	0	F!I4632
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4271
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4271
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4271
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4271

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3102.21.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3102.21.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4735), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.